

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/DS-ST
Ngày: 25 - 6 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán hàng hóa và vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Duy Tân

2. Bà Hà Thị Lệ Thi

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Lam – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2017/TLST-DS, ngày 08 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lý Thắng L, sinh năm 1972, trú tại ấp V, xã Y, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

(Hiện đang sống tại ấp C, xã Y, huyện T, tỉnh Kiên Giang).

Bị đơn: Ông Trương Văn B, sinh năm 1952, trú tại ấp D, xã Y, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954 (vợ ông B), trú tại ấp D, xã Y, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

(các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2018 và các lời khai trong

quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lý Thắng L trình bày:

Từ năm 2012 đến năm 2016 ông Trương Văn B (sau đây gọi tắt là ông B) có lấy vé số và mượn tiền của ông TL, còn thiếu lại số tiền cụ thể như sau:

Ngày 16/01/2012 ông TL cho ông B mượn 500.000 đồng.

Ngày 20/4/2012 ông B trả tiền vé số còn thiếu lại 200.000 đồng.

Ngày 23/4/2012 ông B lấy vé số còn thiếu lại 1.000.000 đồng.

Ngày 1/5/2012 ông B lấy 400 tờ vé số và còn thiếu lại 3.080.000 đồng.

Ngày 06/11/2014 thiếu 1.520.000 đồng.

Ngày 26/11/2014 thiếu 1.320.000 đồng.

Ngày 03/01/2015 thiếu 700.000 đồng.

Ngày 11/4/2015 thiếu 440.000 đồng.

Ngày 29/4/2015 thiếu 1.584.000 đồng.

Ngày 3/6/2016 ông B lấy 400 tờ vé số, thiếu 3.530.000 đồng. Chiều cùng ngày ông B trả được 2.000.000 đồng, còn thiếu 1.520.000 đồng.

Ngày 4/6/2016 ông B lấy 150 tờ vé số thiếu 1.320.000 đồng.

Ngày 02/8/2016 ông B đến đại lý của ông TL để đổi vé số trúng lô 1.000.000 đồng. Sau đó ông TL phát hiện vé không trúng nên ông B có trả lại cho ông TL 500.000 đồng, còn thiếu lại 500.000 đồng.

Ngoài ra ông B có lấy thêm 250 tờ vé số và nợ lại số tiền 2.200.000 đồng và có mượn của ông TL 1.000.000 đồng để đi đám tang. Tổng cộng ông B còn thiếu ông TL là 16.884.000 đồng.

Khi lấy vé số ông TL có giao cho ông B 01 quyển sổ tay để theo dõi và đối chiếu nợ. Do ông B không thanh toán tiền đầy đủ nên ông TL không phát vé số cho ông B, từ đó ông B nói ngang, cho rằng ông TL không có giao sổ và không thừa nhận còn thiếu tiền vé số ông TL.

Nguyên đơn ông TL yêu cầu vợ chồng ông Trương Văn B, bà Nguyễn Thị H trả tiền vé số và tiền mượn còn thiếu là 16.884.000 đồng.

Bị đơn ông Trương Văn B trình bày:

Từ năm 2012 ông B lấy vé số tại Đại lý vé số của ông TL để bán, đến tháng 8/2016 thì ông B không còn lấy vé số của ông TL.

Hình thức mua bán: Buổi sáng ông B lấy vé số của ông TL bán, chiều trả tiền, nếu chiều không có tiền thì ngày sau trả. Do ông B trả tiền trong ngày hoặc chậm nhất là ngày sau trả nên ông TL không có đưa sổ cho ông B. Ông B thừa nhận còn thiếu ông TL 250 tờ vé số, (giá mỗi vé là 8.800 đồng) với số tiền 2.200.000 đồng và tiền mượn 1.000.000 đồng đi đám tang, tổng cộng là 3.200.000 đồng. Việc ông TL cho rằng có giao sổ cho ông B là không có.

Nay ông B chỉ đồng ý trả cho ông TL số tiền 3.200.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:
Thông nhất theo lời trình bày của ông Trương Văn B.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: 01 Sổ tay ghi nợ của ông B; biên bản hòa giải ngày 30/11/2016 của ban lãnh đạo ấp Cạn Vàm, bản tự khai ngày 25/5/2017 của ông Lý Thắng L.

Bị đơn cung cấp: 01 Đơn yêu cầu ngày 25/5/2017; bản sao giấy chứng nhận thương binh của ông Trương Văn B.

Tài liệu do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai ông Trương Văn B và bà Nguyễn Thị H ngày 20/6/2018; Biên bản lấy lời khai ông Trương Văn B ngày 29/8/2017 và ngày 08/01/2018; Biên bản đối chất giữa ông TL với ông B ngày 24/5/2018; Biên bản lấy lời khai những người làm chứng gồm: Anh Ngô Minh Giới, bà Nguyễn Thị Phượng, ông Lê Văn Hận, bà Đặng Thị Hương (Hương).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông B trả cho ông TL số tiền 3.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Trương Văn B có giấy chứng nhận thương binh nên thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý. Tại phiên tòa và biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2018 ông B không yêu cầu được trợ giúp pháp lý vì cho rằng xét thấy không cần thiết.

[2]. Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Lý Thắng L với bị đơn ông Trương Văn B, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H là tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa và vay tài sản. Cụ thể ông TL yêu cầu vợ chồng ông B, bà Hạnh trả tiền mua vé số và tiền vay (mượn) còn thiếu tổng cộng là 16.884.000 đồng.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Lý Thắng L nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông B thừa nhận có lấy vé số tại Đại lý của ông TL để bán, nhưng cho rằng trả tiền trong ngày, nếu có thiếu thì ngày sau cũng trả. Ông

B thừa nhận còn nợ lại ông TL 250 tờ vé số với số tiền 2.200.000 đồng và 1.000.000 đồng mượn đi đám tang, tổng cộng là 3.200.000 đồng.

Ông TL cho rằng khi mua bán có giao cho ông B 01 cuốn sổ để theo dõi nợ, việc giao sổ có một số người chứng kiến như anh Giới, ông Hận.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc mua bán cũng như đối chiếu nợ giữa các bên không rõ ràng, ông TL cho rằng có giao sổ cho ông B nhưng ông B không thừa nhận, ông TL cũng không có chứng cứ để chứng minh có giao sổ cho ông B. Tại biên bản lấy lời khai những người làm chứng như anh Ngô Minh Giới, bà Nguyễn Thị Phượng, ông Lê Văn Hận, bà Đặng Thị Hương (Hương) trình bày có thấy ông B cầm cuốn sổ tay nhưng không biết nội dung bên trong ghi gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông TL cung cấp cho Tòa án 01 sổ tay ghi nợ nhưng không có chữ ký của ông B. Ngoài ra không có tài liệu chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa ông B chỉ thừa nhận còn nợ lại ông TL 3.200.000 đồng, không phải là 16.884.000 đồng như nguyên đơn trình bày.

Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông B, bà Hạnh chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông TL tiền vé số còn thiếu và tiền mượn đi đám tang tổng cộng là 3.200.000 đồng.

Bác yêu cầu của ông TL về việc đòi vợ chồng ông B, bà Hạnh trả số tiền 13.684.000 đồng (16.884.000 đồng - 3.200.000 đồng).

[4] .Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng ông B, bà Hạnh phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng.

Ông TL phải chịu án phí đối với số tiền yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 13.684.000 đồng $\times 5\% = 684.000$ đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông TL đã nộp là 420.000 đồng theo biên lai thu số 0006514 ngày 08/5/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, ông TL còn phải nộp thêm 264.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 428, 438, 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 91, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Thắng L đối với bị đơn ông Trương Văn B về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự mua

bán hàng hóa và vay tài sản".

2. Buộc vợ chồng ông Trương Văn B và bà Nguyễn Thị H chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Lý Thắng L số tiền 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng).

3. Bác yêu cầu của ông Lý Thắng L đòi ông Trương Văn B, bà Nguyễn Thị H trả số tiền 13.684.000 đồng (mười ba triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

4. Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông B, bà Hạnh phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Ông TL phải chịu án phí đối với số tiền yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 684.000 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông TL đã nộp là 420.000 đồng theo biên lai thu số 0006514 ngày 08/5/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, ông TL còn phải nộp thêm 264.000 đồng (hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh

